

BÁO CÁO

**Về việc thuyết minh và công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách địa phương quý III, 9 tháng năm 2026**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

UBND xã Nà Phặc thuyết minh và công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III, 9 tháng năm 2026 như sau:

**A. THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2026:**

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2026

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách quý III năm 2026:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.886.967 nghìn đồng.
- Thu ngân sách xã: 65.096.953 nghìn đồng. Trong đó:
 - + Thu ngân sách xã hưởng: 1.716.953 nghìn đồng
 - + Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 33.708.000 nghìn đồng.
 - + Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 29.672.000 nghìn đồng.
 - + Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 0 đồng.

2. Kết quả thực hiện chi ngân sách quý III năm 2026:

- Chi ngân sách xã: 29.948.187 nghìn đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển (bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): 8.468.879 nghìn đồng.
 - + Chi thường xuyên: 21.472.878 nghìn đồng.
 - + Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 6.430 nghìn đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương lũy kế 9 tháng năm 2026:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách 9 tháng năm 2026:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 4.682.008 nghìn đồng.
- Thu ngân sách xã: 162.159.729 nghìn đồng. Trong đó:
 - + Thu ngân sách xã hưởng: 4.091.005 nghìn đồng.
 - + Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 61.798.000 nghìn đồng.
 - + Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 71.374.827 nghìn đồng.
 - + Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 24.895.897 đồng.

2. Kết quả thực hiện chi ngân sách lũy kế 9 tháng năm 2026:

- Chi ngân sách xã: 81.186.538 nghìn đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển (bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): 11.937.051 nghìn đồng.
 - + Chi thường xuyên: 69.243.056 nghìn đồng.
 - + Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 6.430 nghìn đồng

B. CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III, LŨY KẾ 9 THÁNG NĂM 2026.

- Hình thức công khai: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã, Niêm yết tại Trụ sở UBND xã, Công khai tại các cuộc họp,...

- Thời gian công khai: 30 ngày.

- Nội dung công khai: Tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III và lũy kế 9 tháng năm 2026.

- Biểu mẫu công khai: Tình hình cân đối NSDP quý III, 9 tháng năm 2026 theo biểu số 54 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC. Ước thực hiện thu ngân sách xã quý III, 9 tháng năm 2026 theo biểu số 55 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC. Ước thực hiện chi ngân sách xã quý III, 9 tháng năm 2026 theo biểu số 56.1 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Trên đây là Báo cáo về việc thuyết minh và công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III, 9 tháng năm 2026 của UBND xã Nà Phặc./.

Nơi nhận:

- LĐ UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT, KT.Hoanv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Oanh



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III, 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC THỰC HIỆN SO VỚI DỰ TOÁN	
			Quý III	9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.700.000	1.886.967	4.682.008	19,5%	48,3%
I	Thu nội địa	9.700.000	1.886.967	4.682.008	19,5%	48,3%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	172.320.724	65.096.953	162.159.729	37,8%	94,1%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	8.625.000	1.716.953	4.091.005	19,9%	47,4%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	8.625.000	1.716.953	4.091.005	19,9%	47,4%
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	138.799.827	63.380.000	133.172.827	45,7%	95,9%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	67.425.000	33.708.000	61.798.000	50,0%	91,7%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	71.374.827	29.672.000	71.374.827	41,6%	100,0%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	24.895.897	0	24.895.897	0,0%	100,0%
C	TỔNG CHI NSDP	171.937.724	29.948.187	81.186.538	17,4%	47,2%
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	129.561.971	26.418.132	73.693.689	20,4%	56,9%
1	Chi đầu tư phát triển	11.700.000	6.701.879	9.319.366	57,3%	79,7%
2	Chi thường xuyên	115.979.971	19.716.253	64.313.353	17,0%	55,5%
3	Chi cho vay			0		
4	Chi viện trợ			0		

5	Chi trả nợ lãi			0		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0		
7	Dự phòng NSNN	1.882.000	0	60.970	0,0%	3,2%
8	Các nhiệm vụ chi khác			0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	42.375.752	3.523.625	7.486.418	8,3%	17,7%
1	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng	6.200.000	1.756.625	4.868.733	28,3%	78,5%
2	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	271.000		0	0,0%	0,0%
3	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	35.904.752	1.767.000	2.617.685	4,9%	7,3%
3.1	Vốn đầu tư	22.459.268	1.767.000	2.617.685	7,9%	11,7%
3.2	Vốn sự nghiệp	13.445.484	0	0	0,0%	0,0%
III	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		6.430	6.430	0,0%	0,0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III, 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC THỰC HIỆN SO SÁNH (%)	
			QUÝ III	9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1		3	4=2/1	5=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.700.000	1.886.967	4.682.008	19,45%	48,27%
I	Thu nội địa	9.700.000	1.886.967	4.682.008	19,45%	48,27%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương	4.000	134	134	3,36%	3,36%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN			0		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.166.000	877.843	1.801.848	21,07%	43,25%
4	Thuế thu nhập cá nhân	676.000	26.095	134.701	3,86%	19,93%
5	Thuế bảo vệ môi trường			0		
6	Phí, lệ phí	865.000	162.762	333.276	18,82%	38,53%
7	Lệ phí trước bạ	2.490.000	268.000	1.482.395	10,76%	59,53%
8	Các khoản thu về nhà, đất	799.000	85.804	361.027	10,74%	45,18%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.000	1.965	4.259	21,83%	47,32%
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	290.000	19.241	159.648	6,63%	55,05%
-	Thu tiền sử dụng đất	500.000	64.598	197.120	12,92%	39,42%

-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN			0		
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển			0		
10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			0		
11	Thu từ hoạt động xổ số			0		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			0		
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			0		
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế			0		
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			0		
14	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác			0		
15	Thu khác ngân sách	700.000	466.329	568.628	66,62%	81,23%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					

2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.625.000	1.716.953	4.091.005	19,91%	47,43%
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP					
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	8.625.000	1.716.953	4.091.005	19,91%	47,43%



Biểu số 56.1 ban hành kèm theo Thông tư
26/2026/TT-BTC

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III, 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	ƯỚC THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)	
			QUÝ III	9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1		3	4=2/1	5=3/1
	TỔNG CHI	171.937.724	29.880.788	81.186.538	17%	47%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	129.561.971	25.157.163	72.500.120	19%	56%
I	Chi đầu tư phát triển	11.700.000	5.501.879	8.119.366	47%	69%
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	11.700.000	5.501.879	8.119.366	47%	69%
	<i>Giao thông</i>	<i>6.700.000</i>	<i>2.142.347</i>	<i>4.617.334</i>	<i>32%</i>	<i>69%</i>
	<i>Giáo dục</i>	<i>1.600.000</i>	<i>888.781</i>	<i>1.031.281</i>	<i>56%</i>	<i>64%</i>
	<i>QLNN</i>	<i>2.200.000</i>	<i>1.874.252</i>	<i>1.874.252</i>	<i>85%</i>	<i>85%</i>
	<i>Thương mại</i>	<i>1.200.000</i>	<i>596.500</i>	<i>596.500</i>	<i>50%</i>	<i>50%</i>
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	115.979.971	19.655.283	64.319.783	22%	55%
	Trong đó:			0		
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60.845.000	9.280.344	35.009.576	25%	58%
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	455.000	65.923	112.436	10%	25%
IV	Chi cho vay			0		
V	Chi viện trợ			0		
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0		
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1.882.000		60.970	3%	3%
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế			0		
IX	Các nhiệm vụ chi khác			0		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	42.375.752	4.723.625	8.686.418	6%	20%
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					

2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	6.471.000	1.756.625	4.868.733	23%	75%
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	35.904.752	2.967.000	3.817.685	2%	11%
	<i>Chi đầu tư</i>	<i>22.459.268</i>	<i>2.967.000</i>	<i>3.817.685</i>	<i>4%</i>	<i>17%</i>
	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>13.445.484</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>	<i>0%</i>

